



熊一燒肉 Bear One B.B.Q

營業時間

Business hours . 營業時間
업무 시간 . เวลาทำการ
Thời gian mở cửa

消費方式

All you can eat . 食べ放題
당신이 먹을 수 있는 모든 . รูปแบบการบริโภค
Phương thức tiêu dùng

午餐

11:30~16:00

Lunch .ランチ . 점심 . อาหารกลางวัน
Bữa trưa

晚餐 16:01~02:00

Dinner .ごはん . 저녁 . อาหารกลางวัน . Bữa tối

週六日 11:30~02:00

例假日

Weekends & Public Holiday
週末と祝日 . 주말 및 공휴일
วันหยุดสุดสัปดาห์และวันหยุดนักขัตฤกษ์
Thứ bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ định kỳ

24:00

最後入場時間
Last admission time . 最終入場時間.
마지막 입장 시간 . เวลาเขาลาสุด
Thời gian cuối cùng vào cửa

力士燒肉

Economy BBQ . 力士燒肉
이코노미 바베큐 . ลักซูริหมูกระทะ
Thịt nướng Lực Sĩ

598/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

698/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

大關燒肉

Luxury BBQ . 大關燒肉
럭셔리 바베큐 . โอเชกิหมูกระทะ
Thịt nướng Đại Quan

698/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

798/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

橫網燒肉

Top BBQ . 橫網燒肉
컷 바베큐 . โยโกซุนะหมูกระทะ
Thịt nướng Su Mô

898/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

998/人

per person . 一人当たり
사람마다 . คนคนหนึ่ง
Giá nêu trên đều được tính theo một người

兒童（小一至小六）半價

1st~6th grade elementary school. 小学校 . 1~6年生
초등학교 1~6학년 . ระดับประถมศึกษา ป.1 ถึง ป.6
Nhi đồng: Nửa giá . Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 6

Half-price . 半額
반값 . ครึ่งราคา
Nhi đồng

幼童（4~6歲）

1st~6th grade elementary school. 小学校 . 1~6年生
초등학교 1~6학년 . ระดับประถมศึกษา ป.1 ถึง ป.6

200

小童（0~3歲）

0~3years . 0~3歲 . 0~3세 . 0~3ขวบ
Trẻ nhỏ: Miễn phí . 0~3 tuổi

免費

Free . 無料 . 무료 . ฟรี
Trẻ nhỏ

基於安全考量 限一大配一小

For safety reasons, One adult is allowed to take one child along with.

安全上の理由から,大人一人につき小人一人のみとなります

안전을 위하여, 큰 한 명당 아동 한 명 할인 가능

ด้วยเหตุผลด้านความปลอดภัย ผู้ใหญ่หนึ่งคนสามารถพาเด็กมาด้วยได้หนึ่งคน

Vì yếu tố an toàn, giới hạn một người lớn đi kèm với một trẻ nhỏ

國際旅客來台指定餐廳 . 国际旅客来台指定餐厅 .

Designated restaurant for international tourists . 國際旅客の指定するレストラン

외국 관광객 지정 레스토랑

ร้านอาหารที่นักท่องเที่ยวต่างชาติมาได้วันแล้วต้องไป

Nhà hàng được du khách quốc tế chỉ định khi đến Đài Loan

◎用餐時間2小時，以訂位時間或第一人進場時間，擇先計算

The meal time is 2 hours, based on the reservation time or the first person to enter the venue, whichever comes first.

食事時間は、予約時間または最初に会場に入った人のどちらか早い方に基づいて、2時間です
식사시간은 예약시간 기준 또는 가장 먼저 입장하는 사람 중 먼저 도래하는 시간 기준으로 2시간입니다

ระยะเวลาในการทานอาหารคือ 2 ชั่วโมง โดยยึดระยะเวลาที่ทำการสั่งจองหรือเวลาที่เข้ามาใช้บริการสถานเป็นเวลาเกณฑ์เริ่มต้นในการนับเวลา
Thời gian dùng bữa là 2 tiếng, được tính theo thời gian đặt chỗ hoặc thời gian người đầu tiên vào bàn, tính theo điều kiện nào xảy ra trước

◎須同桌同消費方式，10%清潔費另計

Need the same money, Additional 10% service fee.

同じお金額が必要, サービス料として別途10%の料金をいただきます

나는 같은 돈이 필요해, 부가세 10% 별도

ทุกคนที่ใช้บริการโต๊ะเดียวกัน จำเป็นต้องสั่งรูปแบบอาหารในราคาเดียวกัน โดยราคาไม่รวมค่าพนักงานบริการเพิ่ม 10%

Phải cùng bàn và cùng phương thức tiêu dùng, tính thêm phí vệ sinh 10%

◎限2人開爐，1成人開爐酌加收開爐費100元

Minimum 2 people for dining, Additional NT\$100 charge for one person.

二人でのご利用に限ります。一人の場合、加算料金100元をいただきます

2인 이상 주문 가능, 1인 식사 시 100NT\$ 추가

จำกัด 2 คนถึงเปิดหม้อได้ กรณีที่ผู้ใหญ่ 1 คนต้องการเปิดหม้อคิดค่าเปิดหม้อเพิ่ม100 เหรียญได้หม้อ

Giới hạn 2 người gọi lẩu, 1 người lớn gọi lẩu sẽ thu thêm phí lẩu 100 Đài tệ

◎浪費食物超過100g，每人加收食材費300元

Paying extra NT\$300 per person for Wasting more than 100g of food.

100g以上の食物を無駄にするために一人当たりNT\$300の追加料金を支払う

음식물쓰레기 100g 초과시 1인당 NT\$300 추가

กรณีที่สั่งอาหารแล้วของเหลือทานไม่หมดเกิน 100 กรัม คิดค่าวัตถุดิบเพิ่ม 300 เหรียญได้หม้อต่อคน

Lãng phí đồ ăn quá 100g, mỗi người sẽ bị thu thêm phí đồ ăn 300 Đài tệ

◎每人每超過半小時內，加收100元超時費，以此類推，亦無法再加點

Every more than half an hour per person, Paying extra 100 NTD, and so on.

一人当たり、30分以上ごとにNT \$ 100を支払いま、此れで推定する

각 사람은 30 분 이상마다 NT \$ 100을 더 지불합니다, 비슷한 방식

กรณีที่ทานอาหารเกินจากเวลาที่กำหนด คิดค่าล่วงเวลาทุกครั้งชั่วโมง 100 เหรียญได้หม้อ บวกเพิ่มไปเรื่อยๆ ตามนี้

Mỗi người cứ quá mỗi nửa tiếng, sẽ bị thu thêm phí quá giờ 100 Đài tệ, cứ thế suy ra, và không được gọi thêm món.

◎基於食安考量，請以夾子烤肉，筷子吃肉

Based on food safety considerations, please use tongs to barbecue and chopsticks to eat meat.

食の安全を考慮し、バーベキューはトング、お肉は箸でお召し上がりください

식품 안전 고려 사항에 따라 바베큐를 할 때는 집게를, 고기를 먹을 때는 젓가락을 사용하세요.

โปรดใช้ที่คีบสำหรับบาร์บีคิวและตะเกียบเพื่อรับประทานเนื้อสัตว์ตามการพิจารณาตามความปลอดภัยของอาหาร

Vì lý do an toàn thực phẩm, vui lòng nướng thịt bằng đũa kẹp và ăn bằng đũa.

◎歡迎自帶飲料、酒類，免收開瓶費

Welcome to bring your own beverages, alcohol. Free corkage.

飲み物、アルコールの持ち込み歓迎、持ち込み料なし

외부 음료수와 주류 반입이 가능하며, 추가비용 없음

ท่านสามารถเตรียมเครื่องดื่มและแอลกอฮอล์มาตัวเอง ไม่คิดค่าบริการสำหรับการเปิดขวด

Chào mừng bạn tự mang đồ uống và rượu, không thu phí mở chai.

◎本店恕無刷卡服務，吃到飽不可外帶

There is no credit card service in this restaurant, all you can eat is not take-out.

このレストランにはクレジットカードのサービスはありません 食べ放題はテイクアウトではありません

이 레스토랑은 신용카드 서비스가 없으며, 테이크아웃 가능합니다

ขออภัยที่ทางร้านไม่มีการให้บริการชำระด้วยบัตรเครดิต ท่านได้ไม้อัน แต่ไม่มีบริการห่อกลับบ้าน

There is no credit card service in this restaurant. Ăn thoải mái, không được mang đồ về

◎平日遇政府機關公告之國定假日，彈性放假日與勞工放假日，皆以假日價格計費

On weekdays, national holidays, flexible holidays and labor holidays announced by government agencies are charged at the holiday price.

平日、国民の祝日、柔軟な祝日、政府機関が発表した労働者の祝日は、休日の料金で請求されます

주중, 공휴일, 탄력적 공휴일 및 정부기관에서 고시하는 근로자의 공휴일은 공휴일 가격으로 부과됩니다

หากวันธรรมดาแต่ตรงกับวันหยุดประจำชาติ หรือวันหยุดแบบยืดหยุ่นตามที่หน่วยงานภาครัฐกำหนด และเป็นวันหยุดของแรงงาน คิดบริการตามราคาวันหยุด

Trong những ngày trong tuần trùng với các ngày nghỉ lễ quốc gia được thông báo bởi cơ quan chính phủ, các ngày nghỉ linh hoạt và ngày nghỉ của lao động, sẽ áp dụng giá ngày lễ.



圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, Will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

力士燒肉

消費方式

598/人

午餐

698/人

晚餐 週六日 例假日

力士

厚切牛排



 **特選牛胸腹牛排/1份**(美國/Q彈/5分熟)

口味選擇：原味

American Beef Brisket steak/1Serving
アメリカンビーフブリスケットステーキ/1人前
아메리칸 소고기 양지머리 스테이크-야키니쿠 소스 / 1인분
สเต็กเนื้ออเมริกันมีฟริสเก็ต/1 ที่เสิร์ฟ
Bít-tết ức bụng bò Hoa Kỳ

熟成牛



 **特選嫩肩沙朗/4片**(紐澳/軟嫩/5分熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Selected Tender Shoulder Sirloin-Original/4pcs
厳選柔らか肩ロース-オリジナル/4枚
엄선된 부드러운 등심/4조각
เนื้อสันไหลนม คัดพิเศษ / 4 ชิ้น
Thịt thăn lưng vai non Wagyu Jigamijima thượng hạng / 4 lát



 **特選牛霜降/4片**(巴拉圭/嚼勁/5分熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Selected beef tendon/4 slices
厳選された牛すじ/4枚
엄선된 소 힘줄/4조각
เนื้อสันคอ คัดพิเศษ / 4 ชิ้น
Thịt bò vân mỡ chọn lọc/ 4 lát



 **特選牛胸腹肉/4片**(美國/Q彈/5分熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

American Beef Brisket/4slice
アメリカンビーフブリスケット / 4スライス
아메리칸 비프 브리 스킷 / 4 조각
เนื้อติดหน้าอกเนื้อสันไหลสุดพรีเมียม/4ชิ้น
Thịt ức bụng bò đẳng cấp Choice Hoa Kỳ/ 4 lát

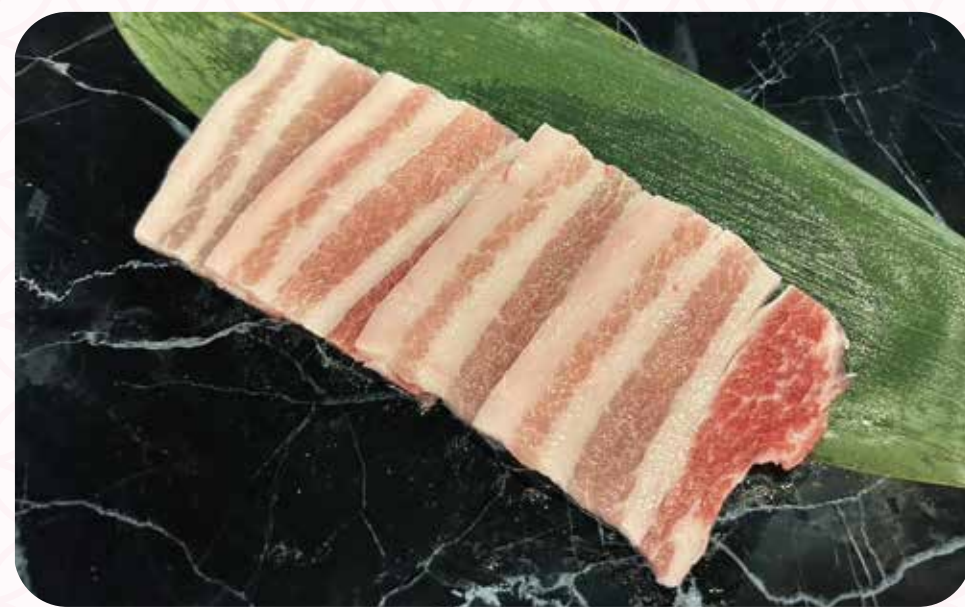
寶島豚



特選寶島豚梅花/4片(台灣/軟嫩/須熟食)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Taiwan Choice Pork Slices/4slice
台灣產特選ポークスライス/4スライス
돼지 앞다리살/4 조각
หมูสไลด์ไต้หวันเลือก/4ชิ้น
Thịt nạc vai heo/ 4 lát



特選寶島豚五花/4片(台灣/軟嫩/須熟食)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Choice Pork Belly from Taiwan/4slice
台灣產特選豚バラ肉/4スライス
타이완 스페셜 삼겹살/4 조각
หมูสามชั้นสูตรพิเศษของไต้หวัน / 4 ชิ้น
Thịt ba chỉ heo / 4 lát

 **熊一燒肉**

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。
The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, Will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc.,
Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

力士燒肉

消費方式

598/人

午餐

698/人

晚餐 週六日 例假日

力士

烤海鮮



特選鹽烤鮮甜海蝦/4隻

White shrimp/4 piece
ホワイトシュリンプ/4ピース
흰 새우 / 4 조각
กุ้งขาว/4ตัว
Tôm biển hoang dã / 4 con



特選貴妃鮑角/4個

Frozen Calamari Slice With Abalone Flavor/4 piece
アワビ風味の冷凍イカスライス/4ピース
전복 풍미의 냉동 오징어 슬라이스/4 조각
ปลาหมึกแช่แข็งรสหอยเป๋าฮื้อ/4 ชิ้น
Bào ngư Quý Phi / 4 con

烤時蔬



奶油杏鮑菇/1盅

Creamy Pleurotus eryngii/1 Serving
クリーミーエリンギ/1人前
크림 새송이 / 1 인분
เห็ดนางรมหลวงผัดเนย/1 ถ้วย
Nấm đùi gà bơ / 1 cốc



奶油金針菇/1盅

Creamy enoki mushrooms/1 Serving
クリーミーなえのこ/1人前
크림 팽이버섯 / 1 인분
เห็ดเข็มทองผัดเนย/1 ถ้วย
Nấm kim châm bơ / 1 cốc

 熊一燒肉

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

力士燒肉

消費方式

598/人

午餐

698/人

晚餐 週六日 例假日

力士

甜蜜蜜



香烤乳酪酥/2個

Cheese pastry/ 2 piece
チーズペストリー/ 2ピース
치즈 페이스트리 / 2 조각
ขนมพัฟชีสกรอบนุ่ม / 2 ชิ้น
Phô mai nướng giòn / 2 cái



玉米布丁酥/2個

Sweet Corn pudding pastry / 2 piece
コーンプディングペストリー/ 2ピース
콘 푸딩 페이스트리 / 2 조각
พุดดิ้งข้าวโพดนึ่ง / 2 ชิ้น
Bánh ngô giòn / 2 cái



起土地瓜燒/2個

Cheese sweet potato/1 Serving
チーズサツマイモ/ 1人前
치즈 고구마 / 1인분
มันหวานอบชีส / 1 ที่เสิร์ฟ
Phô mai khoai lang nướng / 1 cốc



煉乳麻吉燒/2個

Condensed Milk Mochi /2pcs
練乳もちやき/2個
연유 모찌 굽기/2개
โมจิอบนมข้น/2ชิ้น
Mochiyaki sữa đặc / 2 cái



烤一支棉花糖/1支

Marshmallow/1 stick
マシュマロ/ 1スティック
마시멜로 / 1 개
ย่างมาร์ชเมลโล / 1 แท่ง
Kẹo bông nướng / 1 chiếc

 熊一燒肉

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

大關燒肉

消費方式

698/人

午餐

798/人

晚餐 週六日 例假日

大關

消費**大關燒肉**皆可享有**力士燒肉**所有品項

厚切牛排



上選Prime厚切牛排/1份(美國/軟嫩/5分熟)

口味選擇：原味

American Prime Thick Cut Steak/1 serving
アメリカンプライムシックカットステーキ/1人前
아메리칸 프라임 두꺼운 컷 스테이크/1인분
สตั๊กเนื้อหนาแบบอเมริกัน / 1 เสิร์ฟ
Bít-tết cắt dày Prime

熟成牛

(美國/嚼勁/5分熟)



上選CAB安格斯黑牛嫩肩/4片

口味選擇：原味、照燒、辣味

American Angus Black Beef Shoulder/4 slices
アメリカンアンガスブラックビーフショルダー/4スライス
아메리칸 앵거스 블랙 비프 숄더 / 4 조각
ไหลเนื้ออเมริกันแองกัสดำ / 4 ชิ้น
Thịt vai non bò đen Angus CAB chọn lọc



上選鮮嫩菲力/4片(巴拉圭/軟嫩/5分熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Tender Fillet Steak /4 slices
やわらかヒレステーキ/4スライス
텐더 필레 스테이크/4 조각
สตั๊กเนื้อสันใน/4ชิ้น
Thịt thăn non tươi cao cấp



上選鮮嫩牛肋/2塊(巴拉圭/Q彈/全熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Paraguay Cut Beef Rib/2 piece
ビーフリブ/2ピース
쇠고기 갈비 / 2 조각
ซี่โครงเนื้อ / 2 ชิ้น
Combo sườn bò non tươi đặc biệt

寶島豚



上選寶島豚肋眼/4塊(台灣/軟嫩/須熟食)

口味選擇：椒麻、十三香

Pork Rib Eye/4 piece
豚肉リブアイ/4ピース
돼지 갈비 눈 / 4 조각
ซี่โครงหมูเห็ดสด คัดพิเศษ/4 ชิ้น
Thịt sườn heo Đảo Ngọc (Đài Loan) đặc biệt / 4 lát

 熊一燒肉

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

大關燒肉

消費方式

698/人

午餐

798/人

晚餐 週六日 例假日

大關

消費**大關燒肉**皆可享有**力士燒肉**所有品項

烤海鮮



上選清酒大蛤/2個

Sake clams/2 serving
日本酒アサリ/2人前
술 조개 / 2 인분
หอยใหญ่เหล้าสาเก คัดพิเศษ / 2 ชิ้น
Nghêu lớn rượu sake thượng hạng / 2 cốc



上選奶油黃金蝦/4隻

Creamy Golden Shrimp/4 piece
クリーミーゴールデンエビ/4ピース
크리미 골든 새우 / 4 조각
กุ้งสีทองผัดเนย คัดพิเศษ / 4 ชิ้น
Tôm vàng bơ cao cấp / 4 con

烤時蔬



培根金針菇/2個(荷蘭/須熟食)

Enoki mushroom and bacon roll/2 piece
えのき茸とベーコンロール/2ピース
팽이버섯과 베이컨 롤 / 2 조각
เห็ดเข็มทองผัดเบคอน/2 ชิ้น
Nấm kim châm thịt xông khói/ 2 cái

甜蜜蜜



火烤冰淇淋/1個(香草.巧克力.香芋.口味隨機)

Ice cream toast/1 piece
アイスクリームトースト/1ピース
아이스크림 토스트 / 1 조각
ขนมปังปิ้งไอศกรีม/ 2 ชิ้น
Kem nướng / 2 cái

 熊一燒肉

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

橫網燒肉

消費方式

898/人

午餐

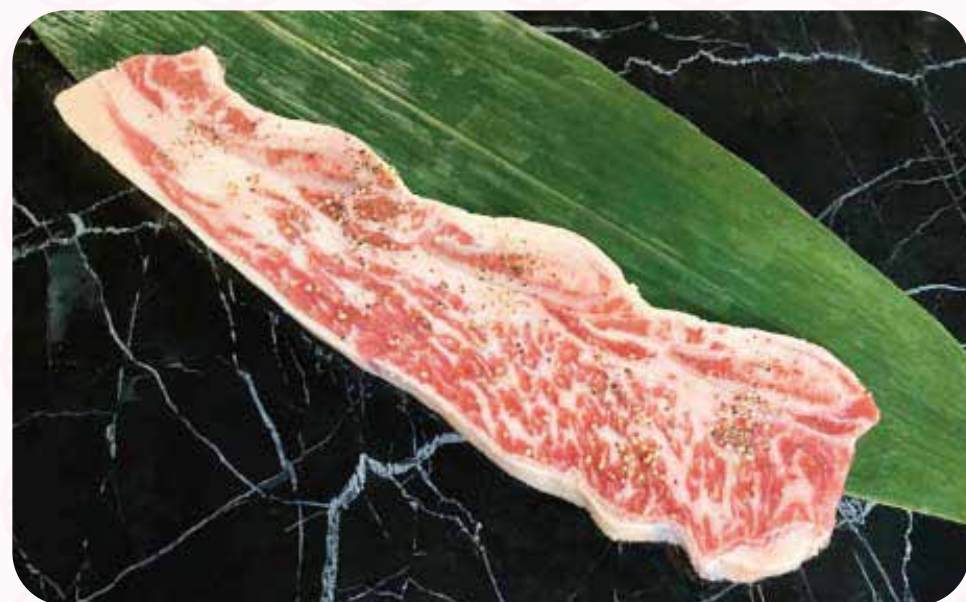
998/人

晚餐 週六日 例假日

橫網

消費**橫網燒肉**皆可享受**力士燒肉****大關燒肉**所有品項

厚切牛排



特上骨付牛小排/1份(美國/Q彈/全熟)

口味選擇：原味

American bone-in beef short ribs/1 serving
アメリカの骨付き牛カルビ/1人前
미국산 뼈 소갈비 / 1 인분
ซีโครงเนื้ออเมริกันติดกระดูก /1 ที่เสิร์ฟ
Sườn non bò rút xương

熟成牛

(美國/嚼勁/3分熟)



特上見島和牛嫩肩沙朗/4片

口味選擇：原味、照燒、辣味

America mishima Wagyu/4 slices
アメリカ産見島和牛/4スライス
미국산 미시마 와규/4 조각
อเมริกา미ชิมะ와규/4 แผ่น
Thịt thân lưng vai non Wagyu Jigamijima thượng hạng / 4 lát



特上無骨牛小排(肩)/4片(美國/Q彈/5分熟)

口味選擇：原味、照燒、辣味

American choice boneless beef short ribs(shoulder) /4 slices
アメリカンチョイスの骨なし牛カルビ/(肩)/4スライス
미국 특선 뼈없는 소갈비 (어깨) / 4 조각
ซีโครงสันไม่มีกระดูก/4ชิ้น
Sườn non bò rút xương Choice Hoa Kỳ (vai) / 4 lát



特上薄切牛舌/4片(紐澳/Q彈/須熟食)

口味選擇：原味、照燒、辣味

thinly sliced beef tongue/4 slices
薄切り牛タン/4枚
얇게 썬 우설/4조각
ลีนัว้นบาง ๑/4 ชิ้น
Lưỡi bò thái mỏng đặc biệt / 4 lát

特上豚



特上伊比利豚松阪/4塊(西班牙/Q彈/須熟食)

口味選擇：原味、照燒、辣味

Spain Bellota Iberico Matsusaka Pork /4 slices
スペインペロタイベリコ松阪ポーク/4スライス
스페인 벨로 타 이베 리코 마쓰 사카 돼지 고기/4 조각
หมูมัดลีซากะไอบีเรีย เกรดพรีเมียม/4ชิ้น
Thịt heo Matsusaka Ibérico Tây Ban Nha

 熊一燒肉

圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, Will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.

橫網燒肉

消費方式

898/人

午餐

998/人

晚餐 週六日 例假日

橫網

消費**橫網燒肉**皆可享有**力士燒肉****大關燒肉**所有品項

烤海鮮



特上阿根廷天使紅蝦/2隻

Argentine red shrimp/2piece
アルゼンチン赤海老/2ピース
아르헨티나 빨간새우/2조각
กุ้งแดงอาร์เจนตินา/2ตัว
Tôm đỏ thiên thần Argentina / 2 con



特上九孔鮑魚/2顆

Abalone/2 piece
アワビ/2ピース
전복/2 조각
หอยเป๋าฮื้อ/2ชิ้น
Bào ngư chín lỗ / 2 con



特上奶油大干貝(組合)/2個

Creamy scallops/2 serving
クリーミーなホタテ/2人前
크리미 한 가리비 / 2 인분
หอยเชลล์ผัดเนยคัตพิเศษ (ประกอบกัน)/2ถ้วย
Sò điệp lớn tổng hợp / 2 con



特上帶殼飽滿鮮蚶/2個

Fresh oysters/2 piece
新鮮な牡蠣/2ピース
신선한 굴 / 2 조각
หอยนางรมสดพร้อมเปลือกต่งซ็ือ คัตพิเศษ/ 2 ชิ้น
Hàu tươi/ 2 con



圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應及手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。
The pictures and text are for reference only. When the supplier's food supply is delayed, Will be replaced by equivalent products, origin, type, grade, price, etc., Subject to the purchase and supply of the store on the same day without prior notice.